

Pháp Thoại Của Đức Karmapa Đồi Thứ 17:
*Cảm Thông Qua Ngôn Ngữ,
Chữa Lành Bệnh Tật và Nụ Cười Trong Tim*



Photographer: Gregg Rock
Copyright 2008 by Karmapa Foundation

Ngày 23 tháng 5, 2008
tại Trung Tâm Karma Thegsum Choling
New Jersey, Hoa Kỳ

Tôi thật vô cùng hân hoan được gặp gỡ tất cả quý vị và tất cả những người bạn của tôi ở tại New Jersey ngày hôm nay. Đây là lần đầu tiên tôi đặt chân đến tiểu bang New Jersey, và trước đây, tôi chưa từng bao giờ được gặp nhiều bằng hữu như vậy. Tôi thành thực muốn nói lời cảm ơn các bạn đã cho tôi cơ hội gặp gỡ hôm nay.

Khi đặt chân đến đây, đến tiểu bang New Jersey này, tôi có cảm giác như mình trở thành một con người mới, với một cái nhìn mới, và tâm tôi hiện ở trong một trạng thái thái hỉ lạc không thể nào diễn tả được.

Theo như chương trình đã được dự tính thì tôi sẽ chia sẻ với quý vị một bài pháp thoại và sau đó sẽ ban truyền lễ quán đảnh Dược Sư Phật.

Tôi sẽ khởi đầu bài pháp thoại của tôi như sau. Tôi là một người Phật tử, được tu học và thấm nhuần Phật Pháp và do đó, đạo Phật là tín ngưỡng mà tôi hiểu rõ nhất và biết đến nhiều nhất so với những tôn giáo khác. Tôi cũng cảm thấy có sự gắn bó sâu đậm nhất đối với đạo Phật. Thông thường, không nhất thiết đứng trên quan điểm Phật Giáo nhưng nói chung, điều tốt nhất để phát biểu trước một cử tọa là nên nói về những gì mà ta biết rõ nhất và am hiểu thấu đáo nhất. Nói như thế không có hàm ý rằng tôi là một người tinh thông đạo Phật. Tôi cũng còn đang tiếp tục học hỏi về đạo Phật và chỉ muốn chia sẻ với quý vị một số hiểu biết và nhận xét của cá nhân tôi.

Tất cả chúng ta cần phải nhận thức ra được rằng chúng ta đã được sinh ra đời trong thế giới này, trong thế kỷ thứ 21 này, và trong thời đại này và trên quả địa cầu này, có rất nhiều điều có thể trở thành những mối quan tâm cho chúng ta. Chúng ta cần phải quán xét để làm sao có thể tìm được những phương thức mới mẻ, những phương tiện mới mẻ để áp dụng vào trong đời sống, giúp chúng ta giải quyết được những quan tâm và vấn đề của thời đại. Nếu chúng ta chấp nhận một hướng đi như vậy thì điều này sẽ đem lại nhiều lợi lạc nhất cho chúng ta.

Tôi thiết nghĩ, ngoài việc thông thạo Tạng ngữ, cá nhân tôi có thể sử dụng hai ngoại ngữ là Anh ngữ và Hoa ngữ, và điều này cũng có thể là một phương pháp thiện xảo hay mới mẻ để giúp tôi giải quyết một số vấn đề. Suốt cả cuộc đời, tôi đã phải học cả ba thứ tiếng - Tạng, Anh và Hoa. Sự gắn bó, nối kết giữa bản thân tôi và những ngôn ngữ khác đã giúp tôi có thêm tự do -- sự tự do trong tôi được tăng trưởng, và đây là tự do đối thoại, trực tiếp trao đổi với người khác, nhất là những người đã đến viếng thăm tôi.

Thế giới ngày nay có vẻ như ngày càng thu nhỏ lại, càng ngày càng nhỏ bé đi, chúng ta có nhiều triển vọng mới mẻ, có niềm hy vọng mới mẻ là chúng ta có thể tạo dựng được tình bằng hữu và cảm thông rộng lớn hơn, qua nhiều đối thoại hơn, nhiều hiểu biết, nhiều cảm thông lẫn nhau hơn. Tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ không lầm lẫn khi hy vọng như vậy. Niềm hy vọng này sẽ giúp đưa chúng ta tới một kỷ nguyên mới, một kỷ nguyên mà trong đó chúng ta sẽ có được sự hòa hợp rộng lớn hơn qua nhiều đối thoại, hiểu biết, cảm thông hơn.

Đa số quý vị cũng đã biết, tôi đã ra đời tại Tây Tạng và đã lớn lên như một chú bé Tây Tạng bình thường. Những gì có liên quan đến Tây Tạng đều rất quen thuộc đối với tôi. Do đó mà tôi có những cảm xúc đặc biệt sâu đậm đối với văn hoá, lịch sử và ngôn ngữ Tây Tạng bởi vì ngay từ lúc bé, bao bọc chung quanh tôi là văn hoá, lịch sử và ngôn ngữ Tây Tạng, và tôi đã được nuôi dưỡng trong một môi trường như thế. Có thể nói rằng tôi đã có được một phần nào hiểu biết về văn hoá, lịch sử và ngôn ngữ Tây Tạng.

Tuy nhiên, cũng phải nói thêm rằng, không phải chỉ hiểu biết về Tây Tạng, mà theo một cách nói nào đó, tôi còn có thêm một ít hiểu biết về văn hoá và ngôn ngữ Trung Hoa nữa. Văn hoá Trung Hoa, như quý vị cũng đã biết, đã du nhập vào xứ sở Tây Tạng một cách rộng rãi và đôi khi đã phần nào bổ túc cho văn hoá Tây Tạng chứ không nhất thiết chỉ là đối chọi. Đối với thế hệ của tôi, việc am tường văn hoá Trung Hoa là một việc hết sức quan trọng. Và riêng cá nhân tôi, việc tôi có thể sử dụng cả hai ngôn ngữ, Hoa và Tạng, đã đem đến cho tôi nhiều lợi lạc, đã giúp được cho tôi rất nhiều.

Đất nước Tây Tạng xưa nay vẫn có rất nhiều thổ ngữ, nhiều ngôn ngữ địa phương đặc thù. Có câu chuyện kể rằng, nếu hai người Tây Tạng từ hai vùng, miền khác nhau gặp nhau và ăn chung với nhau một ổ bánh mì thật lớn thì họ sẽ ăn hết trọn cả ổ bánh mì trước khi tìm ra được một từ ngữ chung để gọi ổ bánh mì! Ngày nay thì họ cũng có thể tạm sử dụng tiếng Hoa, là một ngôn ngữ đã được chuẩn hóa, để gọi ổ bánh mì và việc này giúp cho người Tây Tạng ở những vùng, miền khác nhau có thể phần nào nói chuyện được với nhau.

Cũng như thế, ở khắp nơi trên thế giới ngày nay, Anh ngữ là ngôn ngữ quốc tế và được sử dụng ở khắp mọi nơi. Việc thông thạo Anh ngữ sẽ giúp cho khả năng đối thoại của chúng ta với rất nhiều người trên thế giới tăng trưởng. Do đó, tôi rất hoan hỉ là buổi lễ ngày hôm nay được thông dịch trực tiếp qua Anh ngữ và Hoa ngữ.

Tôi nghĩ rằng niềm an bình và hạnh phúc đích thực không chỉ dành cho một người mà là cho tất cả. Niềm an bình và hạnh phúc này đến từ sự hiểu biết, cảm thông. Nếu chúng ta chịu khó đặt trọng tâm vào việc tìm hiểu về văn hoá và ngôn ngữ của người khác, hay của nhau, thì chúng ta có thể thực sự hiểu biết và đối thoại một cách sâu sắc, sẽ tận dụng được hết tất cả khả năng hiểu biết và đối thoại trong ta.

Ngày nay, chúng ta đang ở một trình độ hiểu biết và cảm thông chưa từng thấy trước nay. Và nếu biết tận dụng khả năng này thì chúng ta sẽ có được hạnh phúc chân thật. Khi ta biết tôn quý tất cả những nền văn hoá và ngôn ngữ khác nhau trên thế giới, niềm hạnh phúc này sẽ làm sáng rõ tâm ta.

Nói đến an bình và hạnh phúc thì theo kinh nghiệm cá nhân của tôi, an bình và hạnh phúc phải được dàn trải ra bên ngoài để siêu vượt được hết tất cả mọi ranh giới.

Từ bên trong một cá nhân, niềm an bình và hạnh phúc ấy phải được thể hiện trong chính cá nhân đó, rồi lan ra đến bà con xóm giềng, lan đến những người trong cùng một thành phố, cùng một ngôi làng, rồi từ từ lan ra đến khắp cả thế giới. Niềm an bình và hạnh phúc chân thật phải là niềm an bình và hạnh phúc trải rộng, lan toả và siêu vượt mọi biên giới.

Chúng ta thường xuyên chú trọng vào những ranh giới giữa ta và người. Nhưng giữa ta và người, những ranh giới này có hiện hữu một cách bẩm sinh không? Những ranh giới ấy không hiện hữu một cách bẩm sinh nhưng chúng ta, ngay từ thuở bé, đã dựa vào những loại ranh giới này để cư xử với người

khác. Những ranh giới ấy có thật sự hiện hữu không? Không. Nhưng chúng ta hành xử với nhau giống như những ranh giới ấy đều có thật. Chúng ta dành cho bản thân chúng ta nhiều cơ hội nhất, để ý đến bản thân chúng ta nhiều nhất. Ta luôn hy vọng những điều tốt lành nhất cho ta. Nếu người khác đạt được điều họ ao ước thì cũng tốt, còn nếu họ không đạt được điều họ ao ước thì cũng không sao miễn là chúng ta đạt được điều mình muốn. Đây là những khác biệt rất to lớn do chúng ta tự tạo -- những biên giới này không có thực và cũng không thể giúp cho chúng ta có được niềm an bình và hạnh phúc chân thật.

Có nhiều người, một số bằng hữu của tôi đã nói với tôi rằng, tuy rằng ta có động cơ muốn giúp đỡ, đem lại lợi lạc cho người khác, nhưng dường như việc này đem đến cho ta nhiều vấn đề, nhiều rắc rối, nhiều mệt mỏi hơn. Những người bạn này cho rằng, lý do đưa đến những chuyện phức tạp như vậy là do ở sự khác biệt giữa ta và người. Họ cho rằng mình phải biết cách giúp cho mình trước rồi thì mới có thể giúp được người khác sau.

Họ đưa ra một ví dụ rất đơn giản về một tách nước trà. Họ nói là ta không thể tự dung đem một tách nước trà đến mời người khác uống. Ít ra cũng phải khéo léo hỏi xem là ông có muốn dùng nước trà không, hay là ông có thích nước trà không hay là ông thích một thức uống nào khác. Bởi lẽ nếu ta không biết là họ thích uống trà hay không, mà lại cứ tự tiện đưa tách trà cho họ bảo họ uống thì có thể họ sẽ trở nên rất khó chịu với ta.

Xuyên qua ví dụ đó, những người bạn của tôi bảo với tôi là thật hết sức khó khăn để giúp được người khác vì mình không biết được sở thích của người ta, không biết được người ta muốn gì. Trong khi đó, chúng ta biết rất rõ sở thích của chính ta và những điều ta ao ước cho bản thân ta thì luôn luôn hiện ra rõ ràng, không che đậy, không rắc rối, và do đó, giúp ta thì dễ hơn giúp người.

Tuy nhiên, chúng ta cần phải quán chiếu một cách thận trọng về vấn đề này, về chuyện dè dặt của ta khi giúp đỡ kẻ khác. Bao giờ cũng thế, mỗi vấn đề đều có hai khía cạnh: khía cạnh tiêu cực và khía cạnh tích cực. Khi tôi còn sống ở Tây Tạng, việc được gặp gỡ giao tiếp với những người đến từ phương Tây là

chuyện hiem hoi, không dễ gì xảy ra. Mà những người Tây phương này thường thường cũng chỉ là khách du lịch, họ đến ngày hôm trước rồi ra đi vào ngày hôm sau. Đối với họ, chúng tôi rất là bỡ ngỡ, không thấy có gì quen thuộc hết. Chúng tôi đã có những suy đoán không chính xác về họ. Chúng tôi cho rằng, vì họ khác chúng tôi, nên chắc chắn rằng những gì chúng tôi yêu thích thì họ không yêu thích, và những gì họ yêu thích thì chúng tôi lại không yêu thích. Chúng tôi đã có những suy đoán một cách hết sức vô căn cứ, dựa trên những ranh giới và khác biệt mà chúng tôi tự tạo ra.

Rồi khi đến thời điểm mà tôi có duyên được chuyện trò với những người Tây phương thì tôi đã hết sức ái ngại, dè dặt, khi phải nói chuyện về Phật Pháp với họ vì tôi e ngại là những gì mà bản thân tôi cho là tích cực, tốt lành, thì có thể những người bạn này sẽ cho là tiêu cực và không tốt.

Nhưng bản thân tôi là một người đang tu tập, và được coi như là một người thầy thì trong cương vị của một người tu và một người thầy, tôi không thể nào chỉ toàn nói về những điều tiêu cực, không tốt lành với họ.

Sau đó, tôi mới thử làm một thí nghiệm và tôi bắt đầu nói với họ về một số điều dí dỏm, tức cười. Những người bạn đến từ phương Tây này cũng cảm thấy những chuyện tôi nói với họ thật là dí dỏm và buồn cười. Rồi sau đó, tôi lại thí nghiệm bằng cách kể cho họ nghe về một số chuyện đau buồn, và tôi thấy là chính họ cũng tỏ vẻ buồn bã và cho rằng những chuyện tôi kể cho họ là những câu chuyện buồn. Cuối cùng, tôi lại thí nghiệm bằng cách kể cho họ nghe một số câu chuyện có thể làm cho mình bực tức, và tôi nhận thấy ra là họ cũng đã tỏ vẻ bực tức một chút xíu. Vào ngay lúc đó thì tôi nhận thức ra được rằng chẳng có một khác biệt nào cả giữa tất cả chúng tôi với nhau. Và sau đó trở đi thì tôi bắt đầu bỏ nhiều thời giờ để nói chuyện với họ về Phật Pháp.

Đôi khi, cách chúng ta đặt câu hỏi để tìm hiểu về người khác, chẳng hạn như là bạn muốn gì, bạn thích gì, bạn có thích cái này không, cái này có phải là cái bạn thích nhất không, cái kia có phải là cái bạn thích nhất không, vân vân... cũng chưa chắc đã là một phương cách tốt đẹp. Đặt nhiều câu hỏi quá như vậy thì

đôi khi ta lại xâm phạm vào đời tư của người khác. Đó cũng không phải là điều tốt.

Nhưng chúng ta phải nên hiểu một điều cơ bản là tất cả mọi người đều có một mong muốn giống nhau. Mong ước của mọi người đều giống nhau. Đó là tìm kiếm hạnh phúc và thoát khỏi khổ đau. Hy vọng của mỗi người là quay về với hạnh phúc. Và hy vọng của mỗi người là quay đi khỏi khổ đau. Ai ai cũng chỉ muốn như thế. Do đó, chẳng cần thiết để phải hỏi là bạn muốn hạnh phúc hay bạn muốn khổ đau. Chẳng cần phải hỏi điều đó vì ai ai cũng muốn kiếm tìm an bình và hạnh phúc.

Vì chúng ta đều có một nhu cầu cơ bản giống hệt như nhau nên chúng ta cần phải hỗ trợ lẫn nhau. Chúng ta cần phải hiểu biết về nhu cầu cơ bản này vì đó là điều mà tất cả mọi người trong chúng ta đều muốn, đều cần.

Bây giờ, theo như chương trình, thì đã đến lúc tôi phải ngưng nói và bắt đầu ban lễ điểm đạo. Nhưng tựu chung, toàn bộ tư tưởng chỉ đơn giản là như thế.

Nhiều người cũng hay hỏi tôi, món ăn nào là món ăn thầy thích nhất? Thật sự là tôi không biết. Mọi người đem đến cúng dường cho tôi rất nhiều thức ăn, món ăn Tây Tạng, món ăn Tàu, món của xứ này, món của xứ kia, đủ loại thức ăn khác nhau từ khắp nơi trên thế giới. Nhưng khi họ cúng dường cho tôi các món ăn này thì họ không cho tôi biết món này tên gì, món kia tên gì nên tôi không thể nhận diện ra được những món ăn đó bằng tên gọi. Nói chung, món ăn nào làm cho tôi no bụng là món mà tôi thích nhất.

Bây giờ, tôi sẽ khởi sự ban truyền lễ điểm đạo hay gia lực của đức Dược Sư Phật. Nói về đức Phật Dược Sư hay về chư Phật thì như thế này. Nói chung, theo như trong lịch sử (của Phật Giáo) thì chỉ có một vị Phật duy nhất đã thị hiện trong thế giới này của chúng ta, đó là đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Tuy nhiên, chúng ta tin tưởng rằng có những bậc giác ngộ khác cũng có cùng những phẩm hạnh cực kỳ cao quý không thể nghĩ bàn giống như đức Phật

Thích Ca Mâu Ni -- đây là những vị đã thị hiện trong những kiếp quá khứ hay sẽ thị hiện trong những kiếp vị lai. Khi có những bậc giác ngộ với đầy đủ những phẩm hạnh, tánh đức y hệt như đức Thích Ca Mâu Ni thì chúng ta gọi tất cả những vị ấy là Phật. Chúng ta đặt tên Phật cho tất cả những bậc toàn giác, giống như chúng ta gọi đức Phật Thích Ca là Phật.

Nếu chúng ta sử dụng những phẩm hạnh cao quý của đức Phật Thích Ca như là tiêu chuẩn để đo lường xem một người nào đó có phải là một đức Phật hay không thì có nhiều triển vọng là chúng ta sẽ thấy ra là có vô số người là Phật, vô số người chẳng khác gì đức Phật Thích Ca. Cho dù theo truyền thống tạo hình của một đức Phật thì đức Phật phải có sắc tướng giống như thế này, thế này, vân vân... nhưng không có cách chi chúng ta biết được ai là Phật (nếu chỉ dựa vào truyền thống tạo hình này). Chư Phật trong các thời quá khứ ở tại Tây Tạng mang những sắc tướng khác. Chư Phật trong các thời vị lai ở các xứ sở Tây phương sẽ mang những sắc tướng khác; có thể chư vị ấy sẽ mặc những bộ quần áo com-lê (suit) và mang cà vạt.

Đức Phật Dược Sư cũng giống như đức Phật Thích Ca, tuy nhiên, (toàn thân) đức Dược Sư được mô tả trong sắc màu xanh biếc. Tôi ước đoán rằng đức Phật Dược Sư nhìn khác như vậy; tuy nhiên, đây là lối mô tả các vị Phật theo truyền thống cổ truyền, giống như đức Phật Thích Ca, nên đức Dược Sư cũng có đắp tam y.

Khi chúng ta đặt danh hiệu cho vị Phật này là đức Dược Sư Phật, chúng ta cũng có thể nghĩ về ngài trong sắc tướng của một vị y sĩ, mặc áo choàng y sĩ màu trắng và trên cổ có đeo một chiếc ống nghe. Tuy nhiên, đức Dược Sư Phật mà chúng ta đang muốn thọ lễ ở đây có liên quan đến các môn thuốc cổ truyền và đến các loại dược thảo chữa bệnh. Trên tay trái của đức Dược Sư có cầm một bình bát đựng nước cam lồ bất tử (amrita), và trên tay phải của ngài có cầm một nhánh dược thảo có trái (dược quả), cành và lá.

Đôi khi có người nói với tôi là... theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng, các bạn có nhiều vị Phật gia hộ cho các bạn quá, nào là đức Dược Sư gia hộ sức khỏe,

chữa lành bệnh tật, đức A Di Đà (Vô Lượng Quang) tiếp dẫn cho bạn tái sinh về cõi Cực Lạc, đức Vô Lượng Thọ gia hộ cho bạn tuổi thọ, vân vân. Như vậy thì các bạn đâu có cần gì đến bác sĩ hay thầy thuốc nữa. Nhưng (trên thực tế) chúng tôi vẫn cần thầy thuốc, cần bác sĩ. Và trên con đường tu tập Đạo Pháp thì chúng ta rất cần đức Dược Sư Phật để nương tựa, để có thể chữa lành những chứng bệnh lâu đời trong ta.

Mục đích của các phương thuốc, do dù là thuốc tự nhiên đến từ dược thảo hay các loại thuốc đến từ sự kết hợp, bào chế, thì mục đích của thuốc là để chữa lành bệnh tật. Làm sao có thể biết được thuốc nào thì thích hợp cho căn bệnh nào? Trước hết, ta phải chẩn bệnh và tìm hiểu xem nguyên nhân của căn bệnh đến từ đâu.

Đối với mỗi căn bệnh, có tất cả hai nguyên nhân khác nhau: nguyên nhân dài hạn (long-term cause) và nguyên nhân ngắn hạn (short-term cause) {*Ghi chú: Tam gọi là nguyên nhân xa và nguyên nhân gần*}. Nguyên nhân xa là nguyên nhân gốc hay là nguyên thủy. Nguyên nhân gần là nguyên nhân tạm thời hay tức thời. Ở đây, gọi là dài hạn (xa) và ngắn hạn (gần) không có ý ám chỉ thời gian. Nhưng xa vì có liên quan đến nguyên nhân căn bản (từ vô thủy) và gần vì có liên quan đến những nguyên nhân tức thời (giúp cho nguyên nhân căn bản trở sanh).

Đối với tất cả chúng ta thì nguyên nhân căn bản, hay nguồn gốc của tất cả mọi bệnh tật, chính là tam độc, là tham, sân và si.

Đối với bệnh tật thì tam độc là nguyên nhân gốc. Còn nói đến tứ đại, tức các yếu tố đất, nước, gió, lửa trong thân ta thì đây lại là các nhân duyên phụ, giúp cho bệnh tật trở sanh. Một trong ba độc (tham, sân và si) là chất xúc tác để làm cho một trong các tứ đại (đất, nước, gió, lửa) nổi trội lên hay bùng lên.

Nếu ta bị tâm tham khống chế thì yếu tố nước trong ta sẽ bùng lên. Nếu ta bị tâm sân khống chế thì yếu tố lửa trong ta sẽ bùng lên. Nếu ta để cho tâm si khống chế thì hoặc yếu tố đất, hoặc yếu tố khí, hoặc cả hai yếu tố đất và khí đều

bùng lên. Nếu tứ đại trong ta có được sự quân bình thì ta sẽ khỏe mạnh. Nếu tứ đại trong ta thiếu quân bình thì ta sẽ sanh ra bệnh tật. Trong tất cả mọi trường hợp, sự thiếu quân bình xảy ra là vì một trong tam độc đã nổi trội lên. Nếu tâm ta không giữ được sự quân bình thì tham sân si sẽ nổi lên.

Nói đến '*klesa*' thì từ vựng này không phải chỉ thuần túy nói về các cảm thọ hay cảm xúc. Không phải cảm thọ hay cảm xúc nào cũng là '*klesa*.' '*Klesa*' chỉ là để ám chỉ những cảm thọ hay cảm xúc tiêu cực, độc hại.

Trong thế kỷ thứ 21 này của chúng ta, có thật nhiều loại bệnh tật gây ra bởi các cảm xúc tiêu cực và độc hại, gây ra bởi các nguyên nhân tinh thần, chứ không phải chỉ là do vi trùng, hay vi khuẩn, vân vân. Nguồn gốc chính yếu của mọi căn bệnh vẫn là các cảm xúc tiêu cực, phiền não. Và khi nguyên nhân chính yếu gây ra bệnh tật liên quan đến tinh thần thì việc ta chỉ sử dụng thuốc men, uống thuốc hay đi châm cứu chẳng hạn, sẽ không đủ giúp ta lành bệnh. Hoàn toàn không đủ.

Bất cứ lúc nào cũng vậy, chúng ta cũng có thể nương tựa vào đức Phật Thích Ca để dẫn dắt chúng ta. Tuy nhiên, nếu chúng ta đang phải đương đầu với một loại khó khăn đặc biệt như là bệnh tật gây ra bởi các cảm xúc độc hại thì chúng ta nên nương tựa vào đức Phật Dược Sư bởi vì đức Dược Sư có một sự gắn bó đặc biệt với năng lực chữa lành bệnh tật. Đây là hạnh nguyện chính yếu của ngài. Và đây cũng là lý do tại sao có sự xuất hiện của đức Phật Dược Sư. Ngài thị hiện cũng vì lý do đó, để chữa lành bệnh tật của tất cả chúng sinh.

Nếu chúng ta có thể làm cho tâm ta được an định, giúp cho tâm ta an trụ mỗi khi bị những xúc cảm tiêu cực khuấy động thì ta sẽ có thể xa lìa được trạng thái tiêu cực, đau đớn, và đem an lạc đến cho thân tâm. Khi thân tâm bình an thoải mái thì chúng ta sẽ được an lành. Để có được điều này thì chúng ta đã được dạy về phương pháp thiền định. Trong trạng thái thiền định, tâm ta được an. Đôi khi, khi ngồi thiền, chúng ta cũng ráng bắt ép tâm mình phải khinh an. Nhưng đôi khi vì bắt ép tâm phải khinh an như thế mà hoá ra lại đem đến nhiều bồn chồn, bất an hơn nữa.

Do đó, nhận lễ điểm đạo hay lễ gia lục là cốt để đem *sức mạnh* đến cho tâm của ta, để ta nhận được sự gia trì, để giúp cho tâm ấy có thể nghỉ ngơi một cách vững chãi an bình trong trạng thái của định. Sức mạnh ấy có thể giúp làm dịu đi những nguyên nhân đưa đến rối loạn.

Tâm ta và những xúc cảm tiêu cực cũng giống như là nước và tinh bột (starch). Nếu để yên, tâm không bị khuấy chung với tinh bột thì tâm sẽ dừng lại, an nghỉ. Khi tâm an nghỉ thì tinh bột sẽ lắng hết xuống phía dưới và nước mát bên trên sẽ sạch trong, không bị tinh bột làm cho ô nhiễm.

Bây giờ, về lễ điểm đạo hay lễ gia lục của đức Dược Sư Phật, tôi sẽ không cắt nghĩa dài dòng về từng chi tiết một vì điều quan trọng nhất khi nhận lễ là tín tâm, đặt hết lòng tin nơi đức Dược Sư như là nơi nương tựa. Có nhiều loại tín tâm khác nhau. Trong kinh điển thường nhắc đến tín tâm như một khối vững chắc (monolithic faith), khối hình vuông, khối hình tròn, đặc một khối, không thể nào suy suyển. Đa số chúng ta không có được loại tín tâm như vậy. Tín tâm của chúng ta không phải khối vuông, cũng không phải khối tròn, mà nhiều khi lại mang một hình thù gì khác. Nhưng điều quan trọng hơn hết cả là chúng ta cần phải có một thái độ và tâm thức rộng mở và để cho câu minh chú (của đức Dược Sư Phật) đến với chúng ta, trở nên thân thiết, gần gũi gắn bó với chúng ta. Chúng ta cần phải luôn giữ gìn sự thân thiết, gần gũi gắn bó đó. Tôi không muốn giải thích dài dòng bởi vì đôi khi có quá nhiều chi tiết dài dòng thì lại còn dễ làm cho mọi chuyện trở nên rắc rối, phá vỡ đi cái gần gũi, cái thân thiết, cái gắn bó riêng tư.

Do đó, quý vị cần phải dựa trên tín tâm để mà thọ lễ và hãy biết rằng tín tâm là một điều đáng được tin cậy. Nói như vậy, không có nghĩa là quý vị phải có được một loại tín tâm đặc khối, không gì suy suyển. Ngay cả chính bản thân tôi, tôi cũng rất nghi ngờ không biết là tôi có được một khối tín tâm vuông vắn như vậy hay không nữa.

Theo truyền thống, trong các kinh sách Mật Điển có nói rằng, lễ điếm đạo không được ban truyền công khai cho công chúng. Tuy nhiên, trong kinh sách cũng lại có nói rằng, nếu vị thầy ban truyền lễ, với tất cả tâm từ bi vì lợi ích của tất cả chúng sinh mà làm thì vị thầy sẽ được phép ban truyền công khai cho tất cả đại chúng. Điều này được cho phép.

Hôm nay, chúng ta hiện diện nơi đây trong mạn-đà-la từ bi này (mandala of compassion), là một mạn-đà-la có thật chứ không phải do tôi tưởng tượng hay sáng tạo ra. Nếu chúng ta dùng thời giờ để đặt câu hỏi vòng vo, tìm hiểu cái này ra sao, cái kia như thế nào, và biện luận với nhau, thì nhiều khi chúng ta sẽ mất thêm hai mươi lăm năm nữa mà cũng chưa thể kết thúc.

Bởi vậy cho nên, theo như lời dạy của đức Phật thì điều tốt lành nhất là hãy an trụ trong Pháp tánh (dharmata), để cho tâm mình an trụ trong chân tánh của tâm. Hãy để tâm an trụ. Pháp tánh chính là chân tâm, là tánh thực của tâm. Hãy an trụ. Như vậy là đủ rồi. Khi tâm an trụ, tín tâm tối thượng sẽ phát khởi và năng lực chữa lành tối thượng sẽ sinh khởi. Không an trụ được tâm trong khi thọ lễ thì cho dù tôi có ngồi ở đây, rung chuông và hành lễ, thì điều này cũng chẳng đem lại được ích lợi gì. Điều tốt yếu là hãy để cho tâm an trụ trong Pháp tánh.

[Đức Karmapa đời thứ 17 ban truyền lễ điếm đạo của đức Dược Sư Phật]

Sau đây, tôi sẽ khẩu truyền câu minh chú của đức Dược Sư Phật cho quý vị.

Tayatha/ Om/ Bekanze/ Bekanze/ Maha-Bekanze/ Bekanze / Radza/ Samudgate/ Svaha

Ta-ya-tha/ Ôm/ Bê-kan-zê/ Bê-kan-zê/ Maha-Bê-kan-zê/ Bê-kan-zê/ Rát-za/ Xa-mút-ga-tê/ Xoa-ha (âm Việt)

[Đại chúng cùng tụng đọc minh chú Dược Sư với đức Karmapa]

Đến đây là chấm dứt buổi lễ.

Một lần nữa, tôi thật hoan hỉ là tất cả quý vị đã đến đây để tham dự buổi lễ này. Tôi hy vọng là trong tương lai, tôi sẽ lại có nhiều cơ duyên gặp lại quý vị. Bây giờ, nói về cảm xúc của tôi trong buổi gặp gỡ này. Tôi có cảm giác như tìm lại được những người thân quen trong gia đình đã lâu năm xa cách. Quý vị đã làm cho tôi phải mỉm cười nhiều lần, mà thông thường thì tôi không hay cười cho lắm. Nhưng hôm nay, tôi đã cười rất nhiều. Trong lòng tôi rất hoan hỉ. Tất cả quý vị đều là những anh chị em tinh thần của tôi. Tôi sẽ không bao giờ quên, sẽ luôn nhớ đến quý vị. Tôi hy vọng là nếu tôi cũng đã đem đến được những nụ cười cho quý vị thì cảm giác an vui của những nụ cười đó cũng sẽ ở lại mãi mãi trong tim của quý vị...

Trong buổi pháp thoại và đại lễ Dược Sư Phật tại trung tâm Karma Thegsum Choling-New Jersey vào ngày 23 tháng 5, năm 2008, đức Karmapa đời thứ 17, Orgyen Trinley Dorje, hiện thân của đức Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm, đã thuyết giảng bằng Tạng ngữ; sau đó, phần thuyết giảng đã được thông dịch trực tiếp qua Anh ngữ và Hoa ngữ, và phần thông dịch qua Việt ngữ được thực hiện qua hệ thống FM radio dựa trên phần thông dịch Anh ngữ. Vào ngày 25 và 26 tháng 5, 2008, bản tiếng Việt của bài pháp này đã được Tâm Bảo Đàn đưa vào máy vi tính dựa trên những ghi chép tốc ký bằng Anh ngữ đã được viết xuống trong khi thông dịch, theo đúng trình tự của bài giảng. Một số đạo hữu có tham dự buổi thuyết giảng, Tâm Diệu Phú, Bảo Vô Trước, và Jangchup Zopa đã giúp soát lại bản thảo lần đầu. Minh Phi giúp soát lại bản thảo lần thứ nhì. Trong tương lai khi có được phần thảo âm Anh ngữ của buổi giảng để đối chiếu, bản Việt ngữ sẽ được hiệu đính lại cho hoàn chỉnh. Mọi sai sót là của người thông dịch Việt ngữ. Mọi công đức xin hồi hướng tất cả pháp giới chúng sinh. Cũng xin nguyện cho tất cả những ai có tâm nguyện được diện kiến và tu học với đức Karmapa sẽ có được duyên lành diện kiến và tu học với ngài, trong đời này, và trong tất cả những đời sau...